

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **195/2023/HNGĐ-PT**

Ngày: 23 – 02 – 2023

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Lệ Uyên;

Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Đức Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 129/2022/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 12/2022/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố H bị bà Nguyễn Thị Thúy H kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 210/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Nguyên G, sinh năm 1968

Địa chỉ: Số 290/12D (số cũ 290/14) đường NKKN, phường VTS, Quận Y, Thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: Số 96 đường MT, phường TNPA, thành phố TĐ, Thành phố H.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số 290/12D (số cũ 290/14) đường NKKN, phường VTS, Quận Y, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hành hòa giải, nguyên đơn ông Nguyễn Nguyên G trình bày:

Ông Nguyễn Nguyên G và bà Nguyễn Thị Thúy H quen biết nhau, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường GV, quận BD, Thành phố HN, theo giấy chứng nhận kết hôn số 118 ngày 16/12/1993.

Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Diệu L, sinh ngày 19/8/1994 và Nguyễn Quỳnh M, sinh ngày 08/7/2002. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và hiện nay ông G không còn tình cảm gì với bà H nữa. Đến giữa năm 2019 ông G có tình cảm với người phụ nữ khác, việc này ông G có công khai với gia đình và bà H biết, thời điểm đó chưa muốn giải quyết ly hôn vì sợ ảnh hưởng đến việc học hành của con. Hiện nay cả hai vợ chồng không còn sống chung, bà H đang ở tại số 290/12D (số cũ 290/14) đường NKKN, phường VTS, Quận Y, Thành phố H là nhà bố mẹ ruột của ông G, còn ông G thì từ năm 2019 đi làm ở HN, đến năm 2020 thì về lại Thành phố H làm việc và ở lại Công ty tại địa chỉ số 96 đường MT, phường TNPA, thành phố TĐ, Thành phố H. Vào tháng 7 năm 2020 ông G đã nộp đơn ly hôn với bà H tại Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố H, tuy nhiên đến khi Tòa án mở phiên tòa xét xử thì ông G bận lý do cá nhân không đến được nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án, đồng thời ông G cũng có suy nghĩ đến bố mẹ, cũng đã cố hàn gắn với bà H nhưng không được. Nay ông G nộp lại đơn yêu cầu ly hôn với bà H vì nhận thấy không còn tình cảm với bà H, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông G được ly hôn với bà H.

- Về con chung: Hiện nay cả 02 con chung đã thành niên, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn là bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày:

Bà H xác nhận việc kết hôn và con chung đúng như lời trình bày của ông G. Sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 6 năm 2019 ông G về nói với gia đình có tình cảm với người phụ nữ khác, bà H có trao đổi với ông G vì không muốn gia đình tan vỡ. Tuy nhiên đến tháng 11 năm 2020, ông G nói với bà H đã làm đơn ly hôn, sau khi làm việc và hòa giải tại Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố H thì ông G về nhà xin lỗi bà H và ba mẹ ruột của ông G, ông G còn nói cho thời gian để xử lý việc riêng với người phụ nữ kia, gia đình cũng tạo điều kiện cho ông G giải quyết. Ngày 26/5/2021, Tòa án có mời vợ chồng bà lên giải quyết ly hôn thì ông G nói sẽ không lên Tòa án, sau đó Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Từ tháng 5/2021 đến tháng 10/2021 ông G có mang số tiền của gia đình đi làm ăn nhưng sau đó thì thất bại, sau đó ông G về lại nhà ba mẹ ruột sinh sống nhưng lúc này ông G tiếp tục nói với bà H là đang làm thủ tục ly hôn vì ông G muốn tự do không phải lo cho ba mẹ ruột và các con. Ba mẹ chồng của bà H thấy ông G nói vậy nên đã đuổi ông G ra khỏi nhà vì bất hiếu với cha mẹ và vô trách nhiệm với con. Bà H vẫn còn tình cảm với ông G nên bà H không muốn ly hôn. Hiện nay ông G đang ở tại Công ty nên tâm lý không ổn định và do thua lỗ trong chuyện làm ăn nên không được bình tâm. Ngoài ra, ông G đã nhiều lần về nhà ép bà H ký đơn ly hôn nhưng bà H thấy ông G làm đơn ly hôn là không phù hợp, nên bà H không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Hiện nay cả 02 con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 12/2022/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố H đã nhận định:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 118 do Ủy ban nhân dân phường GV, quận BD, Thành phố HN cấp ngày 16/12/1993 thì ông Nguyễn Nguyên G và bà Nguyễn Thị Thúy H có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Căn cứ Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình qui định: *“Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn”*. Xét trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các ý kiến của ông G thì cuộc sống vợ chồng ngày càng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông G không còn tình cảm gì với bà H và có tình cảm với người khác. Vào năm 2020 ông G đã nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố H nhưng sau đó ông G không đến vì chưa muốn ly hôn, sợ ảnh hưởng đến việc học hành của con và thương cha mẹ già, ông G cũng muốn quay về gia đình nhưng khi về nhà thì nhận thấy không có khả năng hàn gắn để tiếp tục chung sống nên ông G không về nữa. Hiện nay cả hai vợ chồng không còn sống chung, ông G sống tại Công ty đang làm việc. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài thêm được nữa, tình cảm không còn, nên ông G nộp đơn ly hôn với bà H.

Xét lời trình bày của bà H về việc vẫn còn tình cảm với ông G, việc ông G cho rằng không còn tình cảm với bà H và có tình cảm với người khác thì bà H vẫn chấp nhận, vì vợ chồng không còn tình cảm thì vẫn còn tình nghĩa vợ chồng, nên bà H không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông G.

Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình qui định về tình nghĩa vợ chồng như sau: *“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau ...”*. Và Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình qui định về ly hôn theo yêu cầu của một bên như sau: *“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được....”*.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy xuất phát từ bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, làm rạn nứt tình cảm vợ chồng, dẫn đến vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Cả hai đã không còn chung sống với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Ông G đã từng nộp đơn ly hôn nhưng lại không muốn giải quyết và Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố H đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, quan trọng là tình cảm của ông G không còn, ông G không cần sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc của bà H. Hội

đồng xét xử nhận thấy cả hai không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của ông G là có cơ sở nên chấp nhận.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông G và bà H có 02 con chung là Nguyễn Diệu L sinh ngày 19/8/1994 và Nguyễn Quỳnh M sinh ngày 08/7/2002. Con chung đã trưởng thành các bên đương sự không yêu cầu giải quyết là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Ông G không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định nêu trên, cấp sơ thẩm đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Nguyên G được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thúy H.

Quan hệ hôn nhân của ông Nguyễn Nguyên G và bà Nguyễn Thị Thúy H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 118 do Ủy ban nhân dân phường GV, quận BD, Thành phố HN cấp ngày 16/12/1993 chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Hai con chung đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/8/2022, bà Nguyễn Thị Thúy H kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 12/2022/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố H; Bác yêu cầu xin ly hôn, cho ông Nguyễn Nguyên G và bà Nguyễn Thị Thúy H được đoàn tụ vì vợ chồng không có mâu thuẫn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thúy H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông Nguyễn Nguyên G yêu cầu giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Ngày 26/7/2022, Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố H tuyên Bản án sơ thẩm số 12/2022/HNGĐ-ST. Ngày 08/8/2022, Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố H nhận đơn kháng được đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy H. Như vậy, căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, kháng cáo còn trong thời hạn luật định.

Về nội dung kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Thúy H kháng cáo yêu cầu hủy Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 12/2022/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố H, bác đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Nguyên G.

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 118 do Ủy ban nhân dân phường GV, quận BD, Thành phố HN cấp ngày 16/12/1993 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thúy H và ông Nguyễn Nguyên G là hợp pháp.

Xét trong đơn khởi kiện, bản khai và ý kiến của ông G thì thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và ông đã có tình cảm với người khác. Vào năm 2020 ông đã nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố H nhưng sau đó ông không đến Tòa án giải quyết vì sợ ảnh hưởng đến việc học hành của các con, đồng thời ông cũng suy nghĩ đến bố mẹ nên cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không cải thiện được, tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ nên ông đã chuyển ra ngoài sống ly thân với bà H từ năm 2020 cho đến nay. Ông không còn sự quan tâm, yêu thương, chia sẻ từ bà H nên nay ông nộp lại đơn xin ly hôn với bà H. Bà H trình bày vẫn còn tình cảm với ông G, việc ông G cho rằng không còn tình cảm với bà và có tình cảm với người khác thì bà vẫn chấp nhận, vì vợ chồng không còn tình cảm thì vẫn còn tình nghĩa vợ chồng, nên bà không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông G.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình..... Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau.....” và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”. Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy xuất phát do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, làm rạn nứt tình cảm vợ chồng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông G. Với những chứng cứ nêu trên cũng thể hiện việc bà H kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm, bác đơn ly hôn của ông G với lý do ông G nộp đơn ly hôn là do bị ép buộc và bị đe dọa là không có cơ sở chấp nhận.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy H, giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 12/2022/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

I. Thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy H làm trong hạn luật định và đã thực hiện nghĩa vụ của người kháng cáo phù hợp với các quy định tại Điều 271, 272, 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

II. Xét yêu cầu kháng cáo xin đoàn tụ của bà Nguyễn Thị Thúy H và các tài liệu chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Nguyên G và bà Nguyễn Thị Thúy H tự nguyện kết hôn năm 1993, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 118 do Ủy ban nhân dân phường GV, quận BD, Thành phố HN cấp ngày 16/12/1993, được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông G xin ly hôn bà H với lý do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018 do bất đồng quan điểm, đến giữa năm 2019 ông G có tình cảm với người phụ nữ khác, việc này ông G có công khai với gia đình và bà H biết, thời điểm đó chưa muốn giải quyết ly hôn vì sợ ảnh hưởng đến việc học hành của con. Từ năm 2019 ông G đi làm ở HN, đến năm 2020 thì về lại Thành phố H làm việc và ở lại Công ty tại thành phố TĐ, Thành phố H, bà H sinh sống tại nhà cha mẹ ruột ông G tại Quận Y, Thành phố H. Tháng 7/2020 ông G đã nộp đơn ly hôn với bà H tại Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố H, tuy nhiên ông G biện lý do cá nhân và ông G có suy nghĩ đến bố mẹ, đã mong muốn hàn gắn đoàn tụ với bà H, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Hiện nay ông G xác định không còn tình cảm gì với bà H, cả hai vợ chồng không còn sống chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông G được ly hôn với bà H. Đối với bà H trình bày sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến tháng 6/2019 ông G về nói với gia đình có tình cảm với người phụ nữ khác, bà H có trao đổi với ông G vì không muốn gia đình tan vỡ. Đến tháng 11/2020, ông G nói với bà H đã làm đơn ly hôn, sau khi làm việc và hòa giải tại Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố H, ông G về nhà xin lỗi bà H và ba mẹ ruột của ông G, ông G còn nói cho thời gian để xử lý việc riêng với người phụ nữ kia, gia đình cũng tạo điều kiện cho ông G giải quyết. Sau đó, ông G vắng mặt, Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Từ tháng 5/2021 đến tháng 10/2021 ông G có mang số tiền của gia đình đi làm ăn nhưng sau đó thì thất bại, sau đó ông G về lại nhà ba mẹ ruột sinh sống nhưng lúc này ông G tiếp tục nói với bà H là đang làm thủ tục ly hôn vì ông G muốn tự do không phải lo cho ba mẹ ruột và các con. Ba mẹ chồng của bà H thấy ông G nói vậy nên đã đuổi ông G ra khỏi nhà vì bất hiếu với cha mẹ và vô trách nhiệm với các con. Bà H vẫn còn tình cảm với ông G nên bà H không đồng ý ly hôn.

Xét về mâu thuẫn vợ chồng: Ông G và bà H trình bày ông G có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác; Mặc dù hai bên chỉ trình bày, không có chứng cứ chứng minh nhưng đã cho thấy hai bên đã không còn niềm tin với nhau. Hai bên

thừa nhận đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, mỗi người sinh sống một nơi; Ông G đã một lần yêu cầu ly hôn với bà H, quá trình Tòa án thụ lý giải quyết ông G không đến, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án nhưng vợ chồng vẫn không chung sống với nhau cho đến nay; Cho thấy ông G và bà H đã không còn tồn tại cuộc sống vợ chồng, vợ chồng không còn cùng nhau chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống.

Quan hệ hôn nhân được tồn tại và hạnh phúc trên cơ sở tình cảm yêu thương, sự tin tưởng, sự chia sẻ cùng nhau giữa hai vợ chồng; Đối với vợ chồng ông G bà H đã không còn điều này, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông G bà H là có và đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Song song đó, tại cấp phúc thẩm bà H yêu cầu đoàn tụ với ông G nhưng bà H cũng không đưa ra được phương thức, biện pháp để vợ chồng đoàn tụ; đối với ông G cương quyết yêu cầu ly hôn bà H; Do đó, cấp sơ thẩm đã Quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông G đối với bà H là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Diệu L, sinh ngày 19/8/1994 và Nguyễn Quỳnh M, sinh ngày 08/7/2002. Hiện nay hai con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H.

[4]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông G phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét ý kiến phát biểu đề nghị về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên tòa, như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 148, Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276, Điều 293, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy H về yêu cầu đoàn tụ với ông Nguyễn Nguyên G.

II. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 12/2022/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố H, cụ thể như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nguyên G đối với bà Nguyễn Thị Thúy H:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Nguyên G ly hôn bà Nguyễn Thị Thúy H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 118 ngày 16/12/1993 do Ủy ban nhân dân phường GV, quận BD, Thành phố HN cấp cho ông Nguyễn Nguyên G và bà Nguyễn Thị Thúy H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Hai con chung tên Nguyễn Diệu L, sinh ngày 19/8/1994 và Nguyễn Quỳnh M, sinh ngày 08/7/2002. Đã trưởng thành, không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Nguyên G phải chịu là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí AA/2021/006770 ngày 15/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố H.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

III. Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thúy H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007514 ngày 17/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố H.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- TAND Q 3, TP.H;
- Chi cục THADS Q Y, TP.H;
- UBND PGV, QBD, TP.HN;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Trịnh Minh Đức

